

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

**Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH**

**Tên viết tắt: TTC**

**Địa chỉ trụ sở chính:** 1253 Cách mạng tháng 8, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

**Điện thoại:** 0276.3822376

**Fax:** 0276.3828645

**Website:** <http://tanitour.com.vn>

**Email:** [tanitour.tayninh@gmail.com](mailto:tanitour.tayninh@gmail.com)

**Người được ủy quyền CBTT: Bà Lý Thị Thu Hồng**

**Chức danh: Giám đốc Tổ chức – Hành chính**

**Loại thông tin công bố:**

Định kỳ     24h     Bất thường     Theo yêu cầu     Khác

**Nội dung thông tin công bố:**

- 1) Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 22/03/2018 tại đường dẫn <http://tanitour.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố.

Tây Ninh, ngày 22/03/2018

**Người được Ủy quyền Công bố thông tin**

(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)



**Lý Thị Thu Hồng**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 42

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 178/QĐ-UB ngày 28/12/1982 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh, Quyết định số 328/QĐ-CT ngày 13/04/2006 về việc triển khai cổ phần hóa Công ty Du lịch Tây Ninh, và Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 17/03/2006 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Du lịch Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900244068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 05 tháng 02 năm 2007.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất là lần thứ 10 ngày 21 tháng 02 năm 2017.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là TAY NINH TOURIST TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt là: TTC

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Mã cổ phiếu: TTT

Trụ sở chính: 1253 Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Lê Hữu Phước	Chủ tịch
	Ông Trần Anh Minh	Phó Chủ tịch
	Ông Phạm Văn Hải	Thành viên
	Ông Nguyễn Thanh Huy	Thành viên
	Ông Trần Trung Kiên	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Trần Anh Minh	Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm hoạt động. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Trần Anh Minh**  
**Tổng Giám đốc**

Tây Ninh, ngày 19 tháng 03 năm 2018

Số: 207/2018/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh, được lập ngày 19 tháng 03 năm 2018, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 16 tháng 03 năm 2017 có ý kiến dạng chấp nhận toàn phần.



---

**Phan Thanh Nam**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2018

---

**Nguyễn Tiến Trình**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1806-2018-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>194.722.412.354</b>	<b>202.026.658.283</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>120.283.242.137</b>	<b>16.728.827.778</b>
1. Tiền	111		11.833.242.137	11.228.827.778
2. Các khoản tương đương tiền	112		108.450.000.000	5.500.000.000
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>36.870.733.321</b>	<b>155.264.672.084</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	36.870.733.321	155.264.672.084
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.833.194.141</b>	<b>10.757.587.907</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	374.461.500	109.507.192
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.604.662.033	4.473.719.130
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	5.050.620.408	7.071.391.353
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(196.549.800)	(1.088.059.135)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	191.029.367
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>13.192.115.520</b>	<b>14.924.081.621</b>
1. Hàng tồn kho	141		13.298.957.191	15.035.313.370
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(106.841.671)	(111.231.749)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.543.127.235</b>	<b>4.351.488.893</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	3.163.277.516	3.160.876.704
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.712.895.889	830.554.786
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	5.666.953.830	360.057.403
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>178.018.853.450</b>	<b>141.982.366.901</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>5.4</b>	<b>900.000.000</b>	<b>900.000.000</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>108.978.992.367</b>	<b>117.577.904.721</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	108.809.009.979	117.407.922.333
- Nguyên giá	222		265.726.372.332	252.161.829.808
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(156.917.362.353)	(134.753.907.475)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	169.982.388	169.982.388
- Nguyên giá	228		169.982.388	169.982.388
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>60.678.587.748</b>	<b>7.977.135.226</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	60.678.587.748	7.977.135.226
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.10</b>	<b>-</b>	<b>8.316.765.097</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	8.316.765.097
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.461.273.335</b>	<b>7.210.561.857</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	7.402.996.136	7.152.284.658
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		58.277.199	58.277.199
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>372.741.265.804</b>	<b>344.009.025.184</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>26.622.942.965</b>	<b>25.930.794.755</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>26.042.201.965</b>	<b>24.121.827.898</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	1.316.518.508	1.823.887.092
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		71.878.000	10.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.505.178.826	1.245.694.666
4. Phải trả người lao động	314		14.565.148.603	10.016.155.776
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	551.144.266	1.094.952.554
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.15	3.931.944.315	4.116.845.212
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	3.215.658.119	4.249.757.497
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		884.731.328	1.564.535.101
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>580.741.000</b>	<b>1.808.966.857</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	580.741.000	535.472.500
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	1.273.494.357
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>346.118.322.839</b>	<b>318.078.230.429</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>341.538.028.608</b>	<b>313.319.277.835</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.702.100.000	45.702.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.702.100.000	45.702.100.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		48.915.600.000	48.915.600.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	5.18	81.338.791.454	73.546.360.292
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		45.947.235.625	25.231.129.182
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.647.388.000	(2.388.239.222)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.299.847.625	27.619.368.404
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		119.634.301.529	119.924.088.361
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>4.580.294.231</b>	<b>4.758.952.594</b>
1. Nguồn kinh phí	431	5.19	518.723.747	34.674.298
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		4.061.570.484	4.724.278.296
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>372.741.265.804</b>	<b>344.009.025.184</b>

Tây Ninh, ngày 19 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Trần Thị Phượng

Trần Thị Hiền

Trần Anh Minh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017


CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.20	358.543.688.400	296.102.840.756
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.20	358.543.688.400	296.102.840.756
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	209.425.706.041	169.286.789.571
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>149.117.982.359</b>	<b>126.816.051.185</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	11.609.471.558	10.576.006.866
7. Chi phí tài chính	22	5.23	(1.382.510.906)	82.620.505
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.777.778	3.947.778
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	(4.769.654.090)
9. Chi phí bán hàng	25	5.24	40.149.754.233	29.650.979.687
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.24	30.913.546.224	17.687.735.761
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>91.046.664.366</b>	<b>85.201.068.008</b>
<b>{30 = 20+(21-22)-(24+25+26)}</b>				
12. Thu nhập khác	31	5.25	1.570.294.416	1.547.785.604
13. Chi phí khác	32	5.25	1.239.068.211	74.437.000
<b>14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>331.226.205</b>	<b>1.473.348.604</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>91.377.890.571</b>	<b>86.674.416.612</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	19.149.881.246	17.465.807.516
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	1.040.044.518
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>72.228.009.325</b>	<b>68.168.564.578</b>
<b>18.1 Lợi nhuận kế toán sau thuế của Công ty mẹ</b>	<b>61</b>		<b>35.504.449.551</b>	<b>34.244.967.682</b>
<b>18.2 Lợi nhuận kế toán sau thuế của Cổ đông không kiểm soát</b>	<b>62</b>		<b>36.723.559.774</b>	<b>33.923.596.896</b>
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>5.27</b>	<b>7.184</b>	<b>6.548</b>

Tây Ninh, ngày 19 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Trần Thị Phượng

Trần Thị Hiền

Trần Anh Minh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	91.377.890.571	86.674.416.612
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	22.261.673.144	20.924.357.262
- Các khoản dự phòng	03	(895.899.413)	99.375.600
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	811	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.175.055.428)	(5.750.566.271)
- Chi phí lãi vay	06	7.777.778	3.947.778
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	106.576.387.463	101.951.530.981
- Biến động các khoản phải thu	09	(14.448.902.466)	7.429.298.486
- Biến động hàng tồn kho	10	1.736.356.178	(4.304.367.183)
- Biến động các khoản phải trả	11	(27.102.596.252)	27.646.441
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(253.112.290)	(8.720.388.894)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(7.777.778)	(3.947.778)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(23.822.451.036)	(16.050.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	335.556.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.273.101.340)	(8.150.897.186)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>34.740.358.479</b>	<b>72.178.874.867</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(67.451.200.230)	(19.563.757.885)
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(574.214.061.237)	(335.384.255.417)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	692.608.000.000	266.886.500.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	9.373.404.160	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.578.684.998	9.681.847.518
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>71.894.827.691</b>	<b>(78.379.665.784)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền thu từ đi vay	33	4.000.000.000	1.800.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.000.000.000)	(1.800.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.080.771.000)	(26.437.990.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(3.080.771.000)</b>	<b>(26.437.990.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	50	<b>103.554.415.170</b>	<b>(32.638.781.417)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>16.728.827.778</b>	<b>49.367.609.195</b>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	(811)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	70	<b>120.283.242.137</b>	<b>16.728.827.778</b>

Người lập biểu



Trần Thị Phượng

Kế toán trưởng



Trần Thị Hiền

Tây Ninh, ngày 19 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc




Trần Anh Minh

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du Lịch - Thương Mại Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 178/QĐ-UB ngày 28/12/1982 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh, Quyết định số 328/QĐ-CT ngày 13/04/2006 về việc triển khai cổ phần hóa Công ty Du Lịch Tây Ninh, và Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 17/03/2006 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Du Lịch Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Du Lịch - Thương mại Tây Ninh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900244068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 05 tháng 02 năm 2007.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất là lần thứ 10 ngày 21 tháng 02 năm 2017.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là TAY NINH TOURIST - TRADING JOIN STOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt là: TTC

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Mã cổ phiếu: TTT

Trụ sở chính: 1253 Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

**Sở hữu vốn:**

<b>Cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>VND</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh	3.694.230	36.942.300.000	80,83%
Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh	197.880	1.978.800.000	4,33%
Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu Điện	30.000	300.000.000	0,66%
Công ty TNHH MTV Cao su Việt Nam	100.000	1.000.000.000	2,19%
Ông Lê Hữu Phước	2.900	29.000.000	0,06%
Các cổ đông khác	545.200	5.452.000.000	11,93%
<b>Tổng</b>	<b>4.570.210</b>	<b>45.702.100.000</b>	<b>100%</b>

Số lao động tại ngày 31/12/2017: 307 người (tại ngày 31/12/2016: 292 người).

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty trong năm 2017: Bán buôn hàng hóa bia, nước giải khát, hoạt động kinh doanh giữ xe, vận chuyển xe điện, cho thuê mặt bằng, quảng cáo, vận chuyển du khách bằng phương tiện cáp treo, máng trượt; tổ chức tour du lịch và các dịch vụ khác có liên quan.

**1.3. Các công ty được hợp nhất**

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có các công ty con sau:

<b>Tên công ty</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Tỷ lệ góp vốn %</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết %</b>
<b>Công ty con</b>			
Công ty Cổ phần Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh	Dịch vụ vận chuyển khách du lịch	51%	51%
Công ty Cổ phần Lữ Hành Tây Ninh	Dịch vụ lữ hành khách du lịch	84,27%	84,27%

**1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về việc hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty mẹ được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Đây là khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm với lãi suất từ 5,7% đến 6,7% tại các Ngân hàng Thương mại để thu lãi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

**a. Nguyên tắc kế toán**

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2017 (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất: vô thời hạn nên không trích khấu hao.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

##### **Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh giá trị còn lại của tài sản cố định không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định hữu hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC, ngày 25 tháng 04 năm 2013 và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ trên 1 năm đến 3 năm.

##### **Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### **Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

##### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành

##### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

**Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**Cổ phiếu quỹ**

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn Chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán.

**Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã cung cấp và tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và các loại thuế khác**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế phù hợp với quy định về pháp luật thuế hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm sau khi trừ đi phần trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

**Công cụ tài chính**

Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh hoạt động nước giải khát, hoạt động vận chuyển, hoạt động dịch vụ Khu du lịch và hoạt động dịch vụ quảng cáo và cho thuê mặt bằng và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN ,  
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	2.117.679.585	1.203.917.335
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.715.562.552	10.024.910.443
Tương đương tiền (*)	108.450.000.000	5.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>120.283.242.137</b>	<b>16.728.827.778</b>

(\*) Là tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất là từ 4.2%/năm đến 5,3%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.2 Năm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>36.870.733.321</b>	<b>36.870.733.321</b>	<b>155.264.672.084</b>	<b>155.264.672.084</b>
Ngân hàng Công thương Hòa Thành Tây Ninh (1 năm)	1.620.733.321	1.620.733.321	1.556.672.084	1.556.672.084
Ngân hàng Công thương Hòa Thành Tây Ninh (trên 3 tháng đến 6 tháng)	-	-	31.500.000.000	31.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Tây Ninh	9.100.000.000	9.100.000.000	25.400.000.000	25.400.000.000
Ngân hàng Công thương Tây Ninh	-	-	9.400.000.000	9.400.000.000
Ngân hàng Công thương Hòa Thành Tây Ninh	-	-	21.200.000.000	21.200.000.000
Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Tây Ninh	-	-	3.500.000.000	3.500.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Tây Ninh	-	-	5.900.000.000	5.900.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Tây Ninh	1.000.000.000	1.000.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000
Ngân hàng Phát Triển Tây Ninh	2.000.000.000	2.000.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000
Ngân hàng TMCP Phát Triển TPHCM -CN Tây Ninh	600.000.000	600.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội Tây Ninh	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT-CNKV Tân Hưng Tây Ninh	500.000.000	500.000.000	15.458.000.000	15.458.000.000
Quỹ đầu tư phát triển Tây Ninh	650.000.000	650.000.000	650.000.000	650.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu -CN Tây Ninh	16.400.000.000	16.400.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt -CN Tây Ninh	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Bán Việt Tây Ninh	-	-	12.600.000.000	12.600.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>36.870.733.321</b>	<b>36.870.733.321</b>	<b>155.264.672.084</b>	<b>155.264.672.084</b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng với lãi suất hiện tại từ 5,0%/năm đến 6,7%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.3 Phải thu của khách hàng**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>374.461.500</b>	<b>109.507.192</b>
Công ty TNHH NGK Suntory Pepsico VN	-	70.000.000
Liêu Thị Mộng Dung	60.995.000	-
Tạo Hoá Nhân Trang	62.596.000	-
Lưu Vân Nga	83.424.000	22.674.000
Nguyễn Nhật Minh Phương	98.500.000	-
Các đối tượng còn lại	68.946.500	16.833.192
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>374.461.500</b>	<b>109.507.192</b>



5.4 Phải thu khác

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>5.050.620.408</b>	<b>196.549.800</b>	<b>7.071.391.353</b>	<b>1.088.059.135</b>
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.129.039.675	-	2.790.629.524	-
Nhân ký quỹ, ký cược	2.244.489.696	-	1.967.022.422	-
Tiền thuế TNCN phải thu	439.281.396	-	169.738.231	-
Ông Võ Phước Hồng - tiền thưởng năm 2015	-	-	40.200.000	-
Tạm ứng	102.546.190	-	619.798.807	-
Phải thu CBCNV tiền các loại Bảo hiểm	-	-	75.141.478	-
Phải thu lại tiền lương viên chức quản lý	-	-	162.000.000	-
Tiền điện thoại	-	-	181.356	-
Tiền vỏ chai Cty TNHH bia &NGK Heineken tạm giữ	-	-	62.220.000	-
Phải thu khác	1.135.263.451	196.549.800	1.184.459.535	1.088.059.135
<b>b) Dài hạn</b>	<b>900.000.000</b>	<b>-</b>	<b>900.000.000</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	900.000.000	-	900.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.950.620.408</b>	<b>196.549.800</b>	<b>7.971.391.353</b>	<b>1.088.059.135</b>

5.4 Phải thu khác (Tiếp theo)

Ngắn hạn	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	1.135.263.451	196.549.800	1.184.459.535	1.088.059.135
Nguyễn Văn Huy	-	-	495.185.586	495.185.586
Công ty TNHH Châu Ngọc Hân	116.300.000	116.300.000	271.100.000	189.770.000
DNTN Ngọc Giàu	-	-	69.060.000	69.060.000
Lê Phước Vũ	-	-	10.238.900	10.238.900
HKD Nguyễn Bích Vân	50.109.000	50.109.000	100.284.000	100.284.000
Lê Hiền Trí	-	-	208.450.249	208.450.249
Công ty TNHH Lê Thiên Khang	30.140.800	30.140.800	30.140.800	15.070.400
Phải thu lại tiền lương cán bộ công nhân viên	3.000.000	-	-	-
Tiền thu xử lý nợ theo QĐ số 07/QĐ-DLTM	126.975.000	-	-	-
Chi phí thoái vốn Công ty	82.077.000	-	-	-
Phải thu kinh phí công đoàn	83.521.661	-	-	-
Phải thu khác	643.139.990	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.135.263.451</b>	<b>196.549.800</b>	<b>1.184.459.535</b>	<b>1.088.059.135</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.5 Nợ xấu**

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Châu Ngọc Hân	116.300.000	-	271.100.000	81.330.000
DNTN Ngọc Giàu	-	-	69.060.000	-
Lê Phước Vũ	-	-	10.238.900	-
HKD Nguyễn Bích Vân	50.109.000	-	100.284.000	-
Lê Hiền Trí	-	-	208.450.249	-
Công ty TNHH Lê Thiên Khang	30.140.800	-	30.140.800	15.070.400
Nguyễn Văn Huy	-	-	495.185.586	-
<b>Cộng</b>	<b>196.549.800</b>	<b>-</b>	<b>1.184.459.535</b>	<b>96.400.400</b>
<i>Trong đó: Dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>		<i>196.549.800</i>		<i>1.088.059.135</i>
	<b>Quá hạn 1-30 ngày</b>	<b>Quá hạn 31-60 ngày</b>	<b>Quá hạn 61-90 ngày</b>	<b>Quá hạn trên 90 ngày</b>
Công ty TNHH Châu Ngọc Hân	-	-	-	116.300.000
HKD Nguyễn Bích Vân	-	-	-	50.109.000
Công ty TNHH Lê Thiên Khang	-	-	-	30.140.800

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.737.901.044	106.841.671	4.503.352.833	111.231.749
Công cụ, dụng cụ	2.417.082.848	-	2.966.356.987	-
Hàng hóa	7.143.973.299	-	7.565.603.550	-
<b>Cộng</b>	<b>13.298.957.191</b>	<b>106.841.671</b>	<b>15.035.313.370</b>	<b>111.231.749</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.7 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2017	70.263.962.228	157.590.366.858	11.489.970.333	6.185.444.061	6.632.086.328	252.161.829.808
Tăng trong năm	9.074.697.184	-	4.150.436.364	1.387.273.705	137.340.455	14.749.747.708
Mua trong năm	520.031.273	-	4.150.436.364	1.387.273.705	137.340.455	6.195.081.797
Đầu tư XD/CB hoàn thành	8.554.665.911	-	-	-	-	8.554.665.911
Giảm trong năm	539.097.000	321.074.978	183.578.331	141.454.875	-	1.185.205.184
Giảm do thanh tháo dỡ, thanh lý	539.097.000	321.074.978	183.578.331	31.850.330	-	1.075.600.639
Giảm do phân loại	-	-	-	109.604.545	-	109.604.545
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>78.799.562.412</b>	<b>157.269.291.880</b>	<b>15.456.828.366</b>	<b>7.431.262.891</b>	<b>6.769.426.783</b>	<b>265.726.372.332</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2017	33.001.895.772	93.149.050.105	4.121.072.483	2.918.645.857	1.563.243.258	134.753.907.475
Tăng trong năm	6.283.052.583	12.557.543.884	2.098.510.055	914.714.273	980.603.397	22.834.424.192
Khấu hao trong năm	6.283.052.583	12.557.543.884	2.098.510.055	884.579.069	437.987.553	22.261.673.144
Hao mòn từ nguồn ngân sách	-	-	-	30.135.204	542.615.844	572.751.048
Giảm trong năm	127.286.786	321.074.978	182.928.331	39.679.219	-	670.969.314
Giảm do thanh tháo dỡ, thanh lý	127.286.786	321.074.978	182.928.331	31.850.330	-	663.140.425
Giảm do phân loại	-	-	-	7.828.889	-	7.828.889
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>39.157.661.569</b>	<b>105.385.519.011</b>	<b>6.036.654.207</b>	<b>3.793.680.911</b>	<b>2.543.846.655</b>	<b>156.917.362.353</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2017	37.262.066.456	64.441.316.753	7.368.897.850	3.266.798.204	5.068.843.070	117.407.922.333
Tại ngày 31/12/2017	39.641.900.843	51.883.772.869	9.420.174.159	3.637.581.980	4.225.580.128	108.809.009.979

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2017 là: 58.855.834.789 VND (tại ngày 31/12/2016 là: 58.985.413.120 VND)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.8 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là giá trị Quyền sử dụng đất tại xã Long Thành Trung, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Quyền sử dụng đất của Công ty không xác định thời hạn nên không trích khấu hao. Nguyên giá tại ngày 31/12/2017 là 169.982.388 đồng (tại ngày 31/12/2016 là 169.982.388 đồng).

**5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Chi mua sắm</b>	-	-
<b>b) Chi xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>60.678.587.748</b>	<b>7.977.135.226</b>
Chi phí tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch dự án 1/500	-	74.877.271
Chi phí tư vấn lập đồ án quy hoạch dự án 1/500	-	820.905.273
Chi phí tư vấn quản lý dự án quy hoạch chi tiết 1/500	-	87.458.000
Phí tư vấn khảo sát đo đạc dự án quy hoạch chi tiết 1/500	-	508.973.182
Công trình văn phòng Công ty	-	4.940.032.728
Dự án cáp treo lên đỉnh	-	305.959.816
Công trình khu văn phòng làm việc	-	399.776.601
Công trình nâng cấp hệ thống máng trượt	60.678.587.748	710.458.719
Công trình nước sinh hoạt	-	128.693.636
<b>c) Chi sửa chữa</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>60.678.587.748</b>	<b>7.977.135.226</b>

**5.10 Đầu tư tài chính dài hạn**

Công ty Cổ phần Gạch ngói Tây Ninh: Căn cứ vào Công văn 1270/UBND-KTTC ngày 18/05/2017 về phê duyệt giá khởi điểm lần 3 để thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Tây Ninh, Công ty Cổ Phần Du Lịch - Thương Mại Tây Ninh hiện đã thực hiện chào bán toàn bộ 337.220 cổ phiếu. Đến thời điểm lập Báo cáo này công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cổ phần theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 60/HĐDL ngày 30/06/2017 cho Đỗ Chí Nghĩa, hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 61/HĐDL ngày 30/06/2017 cho Đinh Văn Nông, hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 62/HĐDL ngày 30/06/2017 cho Đỗ Chí Cường, hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 63/HĐDL ngày 30/06/2017 cho Đỗ Chí Thiện. Kết quả công ty thu về từ việc chuyển nhượng số cổ phần này là 3.162.689.160 đồng, lỗ so với giá trị ghi sổ là 546.725.840 đồng.

Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình: Căn cứ vào thông báo 02/2016/BTCĐG ngày 16/12/2016 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta về việc thông báo kết quả đấu giá cổ phần Công ty Cổ phần Khách Sạn Hòa Bình Tây Ninh, Công ty Cổ phần Du Lịch - Thương Mại Tây Ninh sẽ chuyển giao 1.018.051 cổ phiếu (trong đó của Công ty Cổ phần Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh là 184.300 cổ phần) cho Công ty Cổ phần Hải Đăng và cho cá nhân Nguyễn Quốc Ái Di từ ngày 16/12/2016 đến 29/12/2016. Các cá nhân, tổ chức đấu giá thành công, đã xin gia hạn nộp tiền đến ngày 31/03/2017 và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh chấp thuận theo quyết định số 3739/UBND-KTTC ngày 29/12/2016. Đến thời điểm lập Báo cáo này công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cổ phần theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 64/HĐDL ngày 30/06/2017 cho Công ty Cổ phần Hải Đăng và hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 65/HĐDL ngày 30/06/2017 cho Nguyễn Quốc Ái Di. Kết quả công ty thu về từ việc chuyển nhượng số cổ phần này là 5.086.485.000 đồng, lỗ so với giá trị ghi sổ là 3.623.897.860 đồng.

**5.11 Chi phí trả trước**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>3.163.277.516</b>	<b>3.160.876.704</b>
Chi phí bảo hiểm, đường bộ	8.165.116	-
Chi phí sửa chữa các loại	-	652.349.417
Chi phí in lịch	39.963.636	49.000.000
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	2.342.165.961	1.950.932.742
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	1.334.094
Chi phí quảng cáo	-	3.583.330
Chi phí in vé dịch vụ sử dụng	479.387.444	422.849.844
Chi phí gia hạn gói Amis	9.600.000	-
Chi phí hội xuân	283.995.359	-
Các chi phí khác	-	80.827.277
<b>b) Dài hạn</b>	<b>7.402.996.136</b>	<b>7.152.284.658</b>
Chi phí bảo hiểm, đường bộ	8.499.474	16.345.134
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.420.115.464	1.102.001.999
Chi phí thuê kho	305.454.542	610.909.094
Chi phí sửa chữa các loại	278.059.109	818.668.932
Chi phí đầu giá bãi giữ xe	1.348.484.848	2.696.969.697
Chi phí quảng cáo	53.124.982	-
Phí sử dụng phần mềm Misa	-	6.000.000
Chi phí vật tư lắp đặt nhà mát để xe ô tô	27.905.634	-
Chi phí khảo sát đo đạc lập bản đồ địa chính v/v xin thuê đất KDL	15.008.907	-
Chi phí tra cứu thư viện pháp luật (3 năm)	1.500.552	-
Tiền thuê đất đặt quảng cáo	-	62.251.506
Chi phí chẻ đá và khắc chữ ga hạ giáp	45.000.000	90.000.000
Chi phí gia công lắp đặt hệ thống chống sét	119.305.445	178.958.177
Chi phí thay cáp tuyến cáp treo	908.272.495	1.453.235.995
Chi phí thi công sân vườn	311.619.187	-
Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch dự án 1/500	1.846.400.912	-
Chi phí khác	714.244.585	116.944.124
<b>Cộng</b>	<b>10.566.273.652</b>	<b>10.313.161.362</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.12 Phải trả người bán**

	31/12/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.316.518.508</b>	<b>1.316.518.508</b>	<b>1.823.887.092</b>	<b>1.823.887.092</b>
Công ty TNHH bia và NGK Heineken Việt Nam	878.416.447	878.416.447	1.015.007.417	1.015.007.417
Công ty TNHH NGK Coca - Cola Việt Nam	-	-	83.232.336	83.232.336
Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường và Xây Dựng Saigon	-	-	217.080.240	217.080.240
Công ty TNHH Công nghệ Thông Minh Toàn cầu	-	-	199.531.500	199.531.500
Công ty Cổ phần in Hoàng Lê Kha Tây Ninh	-	-	125.037.000	125.037.000
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	24.714.854	24.714.854	19.632.099	19.632.099
Các đối tượng còn lại	413.387.207	413.387.207	164.366.500	164.366.500
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.316.518.508</b>	<b>1.316.518.508</b>	<b>1.823.887.092</b>	<b>1.823.887.092</b>
	-	-	-	-



5.13 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà Nước

	<u>01/01/2017 (VND)</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ (VND)</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ (VND)</u>	<u>31/12/2017 (VND)</u>
<b>Phải nộp</b>	<b>1.245.694.666</b>	<b>38.002.986.064</b>	<b>37.743.501.904</b>	<b>1.505.178.826</b>
Thuế GTGT	-	1.574.012.349	1.561.288.824	12.723.525
Thuế thu nhập cá nhân	292.078.868	1.223.723.887	847.055.839	668.746.916
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.231.614.398	1.231.614.398	-
Các loại thuế khác	721.000	3.000.000	3.000.000	721.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	952.894.798	33.970.635.430	34.100.542.843	822.987.385
<b>Phải thu</b>	<b>360.057.403</b>	<b>30.928.788.629</b>	<b>36.235.685.056</b>	<b>5.666.953.830</b>
Thuế xuất, nhập khẩu	-	132.191.711	133.555.348	1.363.637
Thuế GTGT nộp thừa	-	10.566.440.852	11.170.896.249	604.455.397
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	356.353.403	19.149.881.246	23.822.451.036	5.028.923.193
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	-	2.854.179	2.854.179
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	704.000	170.724.747	170.020.747	-
Các khoản khác phải thu nhà nước	3.000.000	909.550.073	935.907.497	29.357.424

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.14 Chi phí phải trả**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>551.144.266</b>	<b>1.094.952.554</b>
Trích trước chi phí Phòng kinh doanh T06/2017	44.328.411	37.066.558
Trích bổ sung chi phí đồng phục CB,CNV 2016	-	692.500.000
Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tây Ninh	167.772.923	279.400.996
Trích trước chi phí tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật CT xây mới cửa hàng bán đồ đặc sản tại khu Du lịch Núi Bà Đen	27.184.780	-
Chi phí thuê chuyên gia đầu nối đầu cáp treo	291.358.152	-
Chi phí khác	20.500.000	85.985.000
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>551.144.266</b>	<b>1.094.952.554</b>

**5.15 Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>3.931.944.315</b>	<b>4.116.845.212</b>
Doanh thu cho thuê mặt bằng, quảng cáo trên cabin cáp treo	751.944.315	619.181.812
Doanh thu cho thuê mặt bằng Khu du lịch Núi Bà	2.764.500.000	3.481.800.000
Doanh thu cung cấp hàng hóa tại KDL Núi Bà	415.500.000	-
Doanh thu cho thuê vườn cây	-	15.863.400
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.931.944.315</b>	<b>4.116.845.212</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.16 Phải trả khác**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>3.215.658.119</b>	<b>4.249.757.497</b>
Kinh phí công đoàn	3.477.148	47.623.073
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	701.675.400
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	67.254.000	156.500.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.144.926.971	3.343.958.524
<b>b) Dài hạn</b>	<b>580.741.000</b>	<b>535.472.500</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (vỏ chai)	580.741.000	535.472.500
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>3.796.399.119</b>	<b>4.785.229.997</b>
	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền bao bì	2.080.834.192	2.577.932.034
Tiền bảo hành Công trình (Hang rỗng, sản bóng nước)	7.553.726	27.743.000
Các khoản thế chấp (vỏ chai)	13.248.920	115.113.930
Các khoản thu hộ thuế (thu các hộ KD tại khu du lịch)	360.436.876	424.667.000
Công ty TNHH Kim Sơn	35.000.000	48.453.000
Công ty TNHH Công nghệ Thông Minh	14.252.250	107.079.550
Công ty TNHH MTV SX-TM-DVXNK Tài	26.350.137	-
Công ty CP XD-TM và DV Tân Trường	10.000.000	13.012.500
Công ty TNHH Quảng cáo trẻ V&T	45.532.030	20.643.810
Công ty TNHH MTV Nam Trạng	51.500.000	-
Công ty TNHH Tân Ngọc Lực	433.549.240	-
Công ty TNHH DV-KT Ngân Anh	2.549.250	9.313.700
Các khoản phải trả khác	64.120.350	-
<b>Cộng</b>	<b>3.144.926.971</b>	<b>3.343.958.524</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.17 Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Lợi ích cổ đông không kiểm soát</b>	<b>Tổng</b>
<b>Số dư tại 01/01/2016</b>	<b>45.702.100.000</b>	<b>48.915.600.000</b>	<b>56.633.704.487</b>	<b>22.539.185.472</b>	<b>105.589.321.525</b>	<b>279.379.911.484</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	-	<b>16.912.655.805</b>	<b>34.244.967.682</b>	<b>33.923.596.896</b>	<b>85.081.220.383</b>
Lãi hoạt động kinh doanh	-	-	-	34.244.967.682	33.923.596.896	68.168.564.578
Phân phối lợi nhuận năm năm 2015	-	-	16.912.655.805	-	-	16.912.655.805
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	<b>31.553.023.972</b>	<b>19.588.830.060</b>	<b>51.141.854.032</b>
Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	6.398.294.000	6.284.800.000	12.683.094.000
Tạm chia cổ tức năm 2016	-	-	-	3.199.147.000	10.652.064.000	13.851.211.000
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2015	-	-	-	17.935.490.694	661.670	17.936.152.364
Thưởng HĐQT, BKS và Thư ký năm 2015	-	-	-	593.640.000	570.360.000	1.164.000.000
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 6 tháng đầu năm 2016	-	-	-	2.904.855.713	1.830.040.955	4.734.896.668
Thù lao HĐQT, BKS và Thư ký năm 2016	-	-	-	521.596.565	250.903.435	772.500.000
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>45.702.100.000</b>	<b>48.915.600.000</b>	<b>73.546.360.292</b>	<b>25.231.129.182</b>	<b>119.924.088.361</b>	<b>313.319.277.835</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2017	45.702.100.000	48.915.600.000	73.546.360.292	25.231.129.182	119.924.088.361	313.319.277.835
Tăng trong năm	-	-	7.792.431.162	36.533.043.341	39.299.079.892	83.624.554.395
Lãi kinh doanh trong năm	-	-	-	35.504.449.551	36.723.559.774	72.228.009.325
Phân phối lợi nhuận năm 2016	-	-	7.792.431.162	-	2.575.520.118	10.367.951.280
Hoàn nhập thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	1.028.593.790	-	1.028.593.790
Giảm trong năm	-	-	-	15.816.936.898	39.588.866.724	55.405.803.622
Chia cổ tức năm 2016	-	-	-	3.199.147.000	34.486.160.000	37.685.307.000
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2016	-	-	-	7.792.431.162	2.575.520.118	10.367.951.280
Thưởng HĐQT, Ban kiểm soát năm 2016	-	-	-	345.104.072	203.869.586	548.973.658
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi còn lại năm 2016	-	-	-	1.415.909.424	843.022.804	2.258.932.228
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2017	-	-	-	393.685.279	168.014.721	561.700.000
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2017	-	-	-	2.670.659.961	1.312.279.495	3.982.939.456
Số dư tại 31/12/2017	45.702.100.000	48.915.600.000	81.338.791.454	45.947.235.625	119.634.301.529	341.538.028.608

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh	36.942.300.000	36.942.300.000
Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh	1.978.800.000	1.978.800.000
Công ty TNHH MTV Cao Su Việt Nam	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu Điện	300.000.000	300.000.000
Ông Lê Hữu Phước	29.000.000	29.000.000
Các cổ đông khác	5.452.000.000	5.452.000.000
<b>Cộng</b>	<b>45.702.100.000</b>	<b>45.702.100.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	45.702.100.000	45.702.100.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	45.702.100.000	45.702.100.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.199.147.000	9.597.441.000

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.570.210	4.570.210
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.570.210	4.570.210
Cổ phiếu phổ thông	4.570.210	4.570.210
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**5.18 Các quỹ doanh nghiệp**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	81.338.791.454	73.546.360.292
<b>Cộng</b>	<b>81.338.791.454</b>	<b>73.546.360.292</b>

**5.19 Nguồn kinh phí sự nghiệp**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Số dư đầu năm	34.674.298	1.194.252.456
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	9.634.748.045	7.197.696.000
Chi sự nghiệp trong năm	9.150.698.596	8.357.274.158
<b>Nguồn kinh phí sự nghiệp cuối năm</b>	<b>518.723.747</b>	<b>34.674.298</b>

**5.20 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu hàng hóa	174.960.984.009	138.582.951.778
Doanh thu vận chuyển	160.689.031.348	136.786.283.080
Doanh thu cho thuê mặt bằng, quảng cáo, cung cấp hàng hóa	7.347.337.087	6.803.454.524
Doanh thu Hang Ròng	250.000.000	975.700.000
Doanh thu dịch vụ giữ xe các loại, nón bảo hiểm	4.583.112.727	4.160.358.179
Doanh thu dịch vụ trò chơi trên nước	459.527.272	-
Doanh thu tổ chức Tour	8.125.718.452	7.312.858.498
Doanh thu dịch vụ khác	2.127.977.505	1.481.234.697
<b>Cộng</b>	<b>358.543.688.400</b>	<b>296.102.840.756</b>

**5.21 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn hàng hóa	168.784.811.734	135.755.021.856
Giá vốn vận chuyển	26.951.348.122	21.780.661.535
Giá vốn cho thuê mặt bằng, quảng cáo, cung cấp hàng hóa, nhấn tin	45.839.494	667.820.212
Giá vốn Hang Ròng	308.971.617	485.166.778
Giá vốn dịch vụ giữ xe các loại	5.361.635.950	3.868.293.613
Giá vốn dịch vụ trò chơi trên nước	339.544.450	-
Giá vốn tổ chức Tour	7.633.554.674	6.233.300.680
Giá vốn dịch vụ khác	-	496.524.897
<b>Cộng</b>	<b>209.425.706.041</b>	<b>169.286.789.571</b>

**5.22 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.545.016.679	10.520.220.361
Doanh thu hoạt động tài chính khác	64.454.879	55.786.505
<b>Cộng</b>	<b>11.609.471.558</b>	<b>10.576.006.866</b>

**5.23 Chi phí tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	7.777.778	3.947.778
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	1.265.495.840	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	811	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(2.655.785.335)	-
Các khoản ghi giảm chi phí tài chính	-	78.672.727
<b>Cộng</b>	<b>(1.382.510.906)</b>	<b>82.620.505</b>

5.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>30.913.546.224</b>	<b>17.687.735.761</b>
Chi phí nhân viên quản lý	11.914.335.591	9.022.146.735
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.112.246.845	811.287.624
Chi phí mua bảo hiểm nhân thọ	2.690.012.281	736.047.258
Chi phí quản lý khác	15.196.951.507	5.789.602.798
Chi phí tham quan, nghỉ mát	-	864.735.000
Phụ cấp tiền công ngoài giờ	-	463.916.346
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>40.149.754.233</b>	<b>29.650.979.687</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	22.528.368.110	15.127.063.399
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.991.957.926	1.354.348.510
Phụ cấp tiền công ngoài giờ	1.191.264.616	1.139.460.000
Chi phí dịch vụ môi trường rừng	1.566.766.663	1.351.810.390
Chi phí chăm sóc cây kiểng	1.100.533.636	1.153.892.726
Chi phí dịch vụ xe ô tô	-	178.680.365
Chi phí bằng tiền khác	11.770.863.282	9.345.724.297

5.25 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	363.636
Các khoản khác	1.570.294.416	1.547.421.968
<b>Cộng</b>	<b>1.570.294.416</b>	<b>1.547.785.604</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí thanh lý tài sản cố định	372.834.760	-
Các khoản khác	866.233.451	74.437.000
<b>Cộng</b>	<b>1.239.068.211</b>	<b>74.437.000</b>
<b>Thu nhập khác thuần</b>	<b>331.226.205</b>	<b>1.473.348.604</b>

**5.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>1. Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>91.377.890.571</b>	<b>86.674.416.612</b>
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>4.371.515.658</i>	<i>5.400.409.086</i>
<i>Điều chỉnh tăng do hợp nhất</i>	<i>2.898.652.889</i>	<i>-</i>
<i>Chênh lệch chi phí tiền ăn giữa ca</i>	<i>281.450.769</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí phải trả</i>	<i>-</i>	<i>291.385.996</i>
<i>Chi phí diễn tập cứu nạn, cứu hộ</i>	<i>6.427.000</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí khác không được trừ</i>	<i>1.184.985.000</i>	<i>339.369.000</i>
<i>Phần lợi nhuận/lỗ trong công ty liên kết</i>	<i>-</i>	<i>4.769.654.090</i>
<b>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>-</b>	<b>4.745.788.116</b>
<i>Điều chỉnh tăng do hợp nhất</i>	<i>-</i>	<i>1.218.038.323</i>
<i>Chi phí phải trả</i>	<i>-</i>	<i>66.555.713</i>
<i>Doanh thu đã tính thuế năm trước</i>	<i>-</i>	<i>3.461.336.364</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>-</i>	<i>(142.284)</i>
<b>2. Thu nhập chịu thuế</b>	<b>95.749.406.229</b>	<b>87.329.037.582</b>
<b>3. Thu nhập tính thuế</b>	<b>95.749.406.229</b>	<b>87.329.037.582</b>
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>19.149.881.246</b>	<b>17.465.807.516</b>

**5.27 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	35.504.449.551	34.244.967.682
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	35.504.449.551	34.244.967.682
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	4.570.210	4.570.210
Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	2.670.659.961	4.320.765.137
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>7.184</b>	<b>6.548</b>

(\*) Theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 được xác định theo số tạm trích của công ty và các công ty con là 2.830.040.955 đồng. Trong năm 2017, căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, Công ty và các công ty con đã trích lập bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi với giá trị sau khi đã điều chỉnh phần các cổ đông không kiểm soát là 4.320.765.137 đồng. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số số liệu so sánh năm 2016 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**5.28 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.578.842.012	3.959.919.062
Chi phí nhân công	44.054.213.374	14.525.164.893
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.261.673.144	10.248.168.288
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.416.775.830	7.061.666.426
Chi phí khác bằng tiền	31.116.812.733	8.875.075.159
<b>Cộng</b>	<b>107.428.317.093</b>	<b>44.669.993.828</b>

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

A. Các giao dịch với nhân sự chủ chốt

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2017 VND</u>	<u>Năm 2016 VND</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Tổng thu nhập Ban Giám đốc và Chủ tịch	2.874.011.312	2.611.766.833
	Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	1.239.633.333	964.900.000
	Các khoản thưởng	3.087.894.747	2.063.036.610
<b>Cộng</b>		<b>7.201.539.392</b>	<b>5.639.703.443</b>

B. Giao dịch với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2017 VND</u>	<u>Năm 2016 VND</u>
<b>Giao dịch khác</b>				
Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh	Chủ sở hữu	Đã trả cổ tức	2.585.961.000	7.757.883.000
<b>Cộng</b>			<b>2.585.961.000</b>	<b>7.757.883.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**6.2 Báo cáo bộ phận**

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Kinh doanh hàng hóa, Dịch vụ vận chuyển, Dịch vụ tại Khu du lịch, Dịch vụ quảng cáo, mặt bằng, tổ chức Tour du lịch và hoạt động khác còn lại chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.

**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2016***Đơn vị tính: VND*

	Hoạt động hàng hóa	Hoạt động vận chuyển	Hoạt động dịch vụ tại KDL	Hoạt động dịch vụ quảng cáo, mặt bằng	Hoạt động tổ chức Tour du lịch	Các hoạt động còn lại	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>							
Tài sản cố định	6.028.319.101	104.691.705.978	6.857.879.642	-	-	-	117.577.904.721
Xây dựng cơ bản dở dang	-	7.977.135.226	-	-	-	-	7.977.135.226
Các khoản phải thu	2.331.296.483	8.562.966.209	495.466.017	267.859.198	-	-	11.657.587.907
Hàng tồn kho	10.826.015.134	4.098.066.487	-	-	-	-	14.924.081.621
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	-	-	191.872.315.709
<b>Tổng tài sản</b>	-	-	-	-	-	-	<b>344.009.025.184</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>							
Các khoản phải trả	4.123.288.518	14.604.833.406	1.308.532.312	5.380.476.519	-	-	25.417.130.755
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	513.664.000
<b>Tổng nợ phải trả</b>	-	-	-	-	-	-	<b>25.930.794.755</b>

**Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**

	Hoạt động hàng hóa	Hoạt động vận chuyển	Hoạt động dịch vụ tại KDL	Hoạt động dịch vụ quảng cáo, mặt bằng	Hoạt động tổ chức Tour du lịch	Các hoạt động còn lại	Tổng
Tổng doanh thu	138.582.951.778	136.786.283.080	5.136.058.179	6.803.454.524	7.312.858.498	1.481.234.697	296.102.840.756
Chi phí bộ phận	157.949.299.685	43.687.200.044	5.176.008.192	1.757.404.161	7.404.466.477	733.746.965	216.708.125.524
Kết quả kinh doanh bộ phận	(19.366.347.907)	93.099.083.036	(39.950.013)	5.046.050.363	(91.607.979)	747.487.732	79.394.715.232
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	79.394.715.232
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	-	-	-	-	-	-	10.576.006.866
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư liên kết	-	-	-	-	-	-	(4.769.654.090)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	1.473.348.604
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	-	-	86.674.416.612
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	(18.505.852.034)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>	-	-	-	-	-	-	<b>68.168.564.578</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)****Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

	Hoạt động hàng hóa	Hoạt động vận chuyển	Hoạt động dịch vụ tại KDL	Hoạt động dịch vụ quảng cáo, mặt bằng	Hoạt động tổ chức Tour du lịch	Các hoạt động còn lại	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>							
Tài sản cố định	5.587.445.557	97.035.209.581	6.356.337.229	-	-	-	108.978.992.367
Xây dựng cơ bản dở dang	-	60.678.587.748	-	-	-	-	60.678.587.748
Các khoản phải thu	2.546.397.330	9.353.042.159	541.180.991	292.573.661	-	-	12.733.194.141
Hàng tồn kho	9.569.636.906	3.622.478.614	-	-	-	-	13.192.115.520
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	-	-	177.158.376.028
<b>Tổng tài sản</b>							<b>372.741.265.804</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>							
Các khoản phải trả	3.142.699.390	11.131.552.118	997.340.759	4.100.906.400	-	-	19.372.498.667
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	7.250.444.298
<b>Tổng nợ phải trả</b>							<b>26.622.942.965</b>

**Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**

	Hoạt động hàng hóa	Hoạt động vận chuyển	Hoạt động dịch vụ tại KDL	Hoạt động dịch vụ quảng cáo, mặt bằng	Hoạt động tổ chức Tour du lịch	Các hoạt động còn lại	Tổng
<b>DOANH THU</b>							
Tổng doanh thu	174.960.984.009	160.689.031.348	5.292.639.999	7.347.337.087	8.125.718.452	2.127.977.505	358.543.688.400
Chi phí bộ phận	202.787.416.997	58.180.286.014	7.038.744.475	1.473.749.860	9.212.738.734	413.559.512	279.106.495.592
Kết quả kinh doanh bộ phận	(27.826.432.988)	102.508.745.334	(1.746.104.476)	5.873.587.227	(1.087.020.282)	1.714.417.993	79.437.192.808
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	79.437.192.808
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	-	-	-	-	-	-	11.609.471.558
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	331.226.205
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	-	-	-	91.377.890.571
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	(19.149.881.246)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>							<b>72.228.009.325</b>



**6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	120.283.242.137	16.728.827.778
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.781.496.222	4.406.018.181
Đầu tư tài chính ngắn hạn	36.870.733.321	155.264.672.084
<b>Tổng</b>	<b>160.935.471.680</b>	<b>176.399.518.043</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	4.532.176.627	6.073.644.589
Chi phí phải trả	551.144.266	1.094.952.554
<b>Cộng</b>	<b>5.083.320.893</b>	<b>7.168.597.143</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

**6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại 31/12/2017	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	4.532.176.627	-	4.532.176.627
Chi phí phải trả	551.144.266	-	551.144.266
<b>Cộng</b>	<b>5.083.320.893</b>	<b>-</b>	<b>5.083.320.893</b>
Tại 01/01/2017	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	6.073.644.589	-	6.073.644.589
Chi phí phải trả	1.094.952.554	-	1.094.952.554
<b>Cộng</b>	<b>7.168.597.143</b>	<b>-</b>	<b>7.168.597.143</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2017	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	120.283.242.137	-	120.283.242.137
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.881.496.222	900.000.000	3.781.496.222
Đầu tư tài chính ngắn hạn	36.870.733.321	-	36.870.733.321
<b>Cộng</b>	<b>160.035.471.680</b>	<b>900.000.000</b>	<b>160.935.471.680</b>
Tại 01/01/2017	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.728.827.778	-	16.728.827.778
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.506.018.181	900.000.000	4.406.018.181
Đầu tư tài chính ngắn hạn	155.264.672.084	-	155.264.672.084
<b>Cộng</b>	<b>175.499.518.043</b>	<b>900.000.000</b>	<b>176.399.518.043</b>

**6.4 Cam kết hoạt động**

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng như sau:

Hợp đồng thuê kho số 01/HĐTK ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Công ty TNHH Tân Ngọc Lực, thời hạn 5 năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 01/01/2019, đơn giá thuê đã bao gồm thuế GTGT là 25.000.000 đồng/tháng.

Hợp đồng thuê đất số 04/04/HĐTĐ với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thuê 949,1 m<sup>2</sup> đất để xây dựng Văn phòng, thời hạn thuê 50 năm từ ngày 27 tháng 3 năm 2006 đến hết ngày 27 tháng 3 năm 2056. Đơn giá thuê:

Từ ngày 27/03/2006 đến ngày 26/03/2011: 9.750 đồng/m<sup>2</sup>/năm

Từ ngày 27/03/2011 đến ngày 26/03/2016: 45.360 đồng/m<sup>2</sup>/năm

Từ sau ngày 26/03/2016: Đơn giá thuê được tính theo Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính Phủ và Nghị định sửa đổi, bổ sung số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010.

Hợp đồng thuê đất số 05/05/HĐ-TĐ.ĐC ngày 26 tháng 5 năm 2008 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thuê 02 khu đất, thời hạn 50 năm bắt đầu từ ngày 15 tháng 06 năm 2007, cụ thể:

+ Diện tích đất 266.041,1 m<sup>2</sup> tại ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, đơn giá thuê đất là 5.114 VND/m<sup>2</sup>/năm. Thời gian ổn định đơn giá từ ngày 15/6/2017 đến 15/6/2022.

+ Diện tích đất 19.093,8 m<sup>2</sup> tại ấp Phước Long 2, xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Trong đó, đơn giá thuê đất 8.976 VND/m<sup>2</sup>/năm cho diện tích là 8.553,30 m<sup>2</sup>; đơn giá 6.732 VND/m<sup>2</sup>/năm cho diện tích 7.693,2 m<sup>2</sup> và đơn giá 3.927 VND/m<sup>2</sup>/năm cho diện tích 2.847,3 m<sup>2</sup>. Thời gian ổn định đơn giá từ ngày 15/6/2017 đến 15/6/2022.

Hợp đồng thuê đất số 01/05/HĐ-TĐ ngày 08 tháng 5 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thuê 13.242,4 m<sup>2</sup> đất tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh với thời hạn thuê là 50 năm từ ngày 31 tháng 03 năm 2009, đơn giá thuê là 8.925 VND/m<sup>2</sup>/năm;

**6.5 Một số chỉ tiêu tài chính**

**Các chỉ tiêu liên quan đến Bảng Cân đối kế toán:**

Stt	Chi tiêu	Đơn vị tính	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>1</b>	<b>Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
1.1	Bố trí cơ cấu tài sản			
1.1.1	Tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản	%	<b>52,24%</b>	<b>58,73%</b>
	- Tổng tài sản ngắn hạn		194.722.412.354	202.026.658.283
	- Tổng tài sản		372.741.265.804	344.009.025.184
1.1.2	Tài sản dài hạn trên tổng tài sản	%	<b>47,76%</b>	<b>41,27%</b>
	- Tổng tài sản dài hạn		178.018.853.450	141.982.366.901
	- Tổng tài sản		372.741.265.804	344.009.025.184
1.2	Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
1.2.1	Nợ phải trả trên tổng nguồn vốn	%	<b>7,14%</b>	<b>7,54%</b>
	- Tổng nợ phải trả		26.622.942.965	25.930.794.755
	- Tổng nguồn vốn		372.741.265.804	344.009.025.184
1.2.2	Nguồn vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn	%	<b>92,86%</b>	<b>92,46%</b>
	- Tổng vốn chủ sở hữu		346.118.322.839	318.078.230.429
	- Tổng nguồn vốn		372.741.265.804	344.009.025.184
<b>2</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
2.1	Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	<b>14,00</b>	<b>13,27</b>
	- Tổng tài sản		372.741.265.804	344.009.025.184
	- Tổng nợ phải trả		26.622.942.965	25.930.794.755
2.2	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	<b>7,48</b>	<b>8,38</b>
	- Tổng tài sản ngắn hạn		194.722.412.354	202.026.658.283
	- Tổng nợ phải trả ngắn hạn		26.042.201.965	24.121.827.898
2.3	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	<b>4,62</b>	<b>0,69</b>
	- Tiền và các khoản tương đương tiền		120.283.242.137	16.728.827.778
	- Tổng nợ phải trả ngắn hạn		26.042.201.965	24.121.827.898

**6.5 Một số chỉ tiêu tài chính (Tiếp theo)**

**Các chỉ tiêu liên quan đến Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh:**

Stt Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>3 Tỷ suất sinh lời</b>			
<b>3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên Doanh thu	%	<b>24,58%</b>	<b>28,12%</b>
+ Lợi nhuận trước thuế		91.377.890.571	86.674.416.612
+ Tổng doanh thu		371.723.454.374	308.226.633.226
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Doanh thu	%	<b>24,58%</b>	<b>28,12%</b>
+ Lợi nhuận sau thuế		91.377.890.571	86.674.416.612
+ Tổng doanh thu		371.723.454.374	308.226.633.226
<b>3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân</b>			
<b>3.2.1 Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân</b>	%	<b>25,50%</b>	<b>38,79%</b>
- Lợi nhuận trước thuế		91.377.890.571	86.674.416.612
- Tổng tài sản bình quân		358.375.145.494	223.420.019.263
+ Tổng tài sản đầu kỳ		344.009.025.184	102.831.013.341
+ Tổng tài sản cuối kỳ		372.741.265.804	344.009.025.184
<b>3.2.2 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân</b>	%	<b>25,50%</b>	<b>38,79%</b>
- Lợi nhuận sau thuế		91.377.890.571	86.674.416.612
- Tổng tài sản bình quân		358.375.145.494	223.420.019.263
+ Tổng tài sản đầu kỳ		344.009.025.184	102.831.013.341
+ Tổng tài sản cuối kỳ		372.741.265.804	344.009.025.184
<b>3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu Bình quân</b>	%	<b>27,52%</b>	<b>42,41%</b>
- Lợi nhuận sau thuế		91.377.890.571	86.674.416.612
- Tổng vốn chủ sở hữu bình quân		332.098.276.634	204.385.021.125
+ Tổng vốn chủ sở hữu đầu kỳ		318.078.230.429	90.691.811.821
+ Tổng vốn chủ sở hữu cuối kỳ		346.118.322.839	318.078.230.429

**6.6 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác.

Tây Ninh, ngày 19 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Thị Phượng

Trần Thị Hiền

Trần Anh Minh